TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2025/DS-ST
Ngày: 05/3/2025
Về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Thanh Phú**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Nghiệm**.

2. Bà **Trần Kim Chi**.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Phan Thanh Sang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 05 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 305/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2025/QĐST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Huỳnh Thị Cẩm X**, sinh năm 1983;
Địa chỉ: Ấp B, xã V, huyện Gò C, tỉnh Tiền Giang.
Đại diện theo ủy quyền của chị X: Chị **Đỗ Thị Thu N**, sinh năm 1985 (Có mặt);
Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.
- *Bị đơn*: Anh **Phan Duy Q**, sinh năm 1992 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Huỳnh Thị Cẩm X và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Đỗ Thị Thu Ng trình bày:

Năm 2023, anh Q mua vật liệu xây dựng của chị X để xây dựng nhà ở. Đến ngày 26/02/2024, hai bên có làm biên nhân nợ, do anh Q viết và ký tên, xác nhận số tiền còn nợ 25.638.000 đồng. Anh Q hẹn đến ngày 20/3/2024 sẽ thanh toán hoàn tất nhưng không thực hiện đúng thỏa thuận. Sau đó, chị X nhiều lần

yêu cầu nhưng anh Q không thực hiện việc trả nợ.

Chị X yêu cầu anh Q trả số tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ là 25.638.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 20/3/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 0,83%/tháng.

Ngoài ra, chị X không có yêu cầu gì khác.

- Bị đơn anh Phan Duy Q đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh Q vẫn vắng mặt không lý do, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn là anh Q có nơi cư trú tại ấp Thạnh Bình, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét việc vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Anh Q đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh Q.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về trả nợ gốc:

Chị X yêu cầu anh Q trả tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ là 25.638.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, chị X đã giao nộp tờ "Biên nhận – cam kết trả nợ mua vật liệu xây dựng" có chữ ký tên, ghi họ tên của anh Q với số nợ đúng như chị X yêu cầu. Mặc khác, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt cho anh Q Thông báo về việc thụ lý vụ án cùng tài liệu, chứng cứ của chị X giao nộp. Nội dung Thông báo về việc thụ lý vụ án có nêu rõ chị X yêu cầu anh Q có nghĩa vụ trả số tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ 25.638.000 đồng, nhưng anh Q không thể hiện ý kiến phản đối đối với yêu cầu của chị X xem như đã mặc nhiên thừa nhận những tình tiết mà chị X trình bày nêu trên là có thật. Do đó, có cơ sở để xác định yêu cầu khởi kiện của chị X là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[3.2] Về lãi suất chậm trả: Xét yêu cầu của chị X về tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, từ ngày 20/3/2024 anh Q không thực hiện trả tiền, nên phải chịu trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ

trả tiền theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015. Thời gian từ ngày 20/3/2024 đến thời điểm xét xử sơ thẩm với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là 0,83%/ tháng. Như vậy, số tiền lãi là: 25.638.000 đồng x 0,83%/tháng x 11 tháng 15 ngày = 2.447.146 đồng.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu của chị X được chấp nhận toàn bộ nên anh Q phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí anh Q phải nộp được xác định: 28.085.146 đồng x 5% = 1.404.257 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 357, 430, 440 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Cẩm X.

Buộc anh Phan Duy Q có nghĩa vụ trả cho chị Huỳnh Thị Cẩm X số tiền 28.085.146 đồng (Hai mươi tám triệu không trăm tám mươi lăm nghìn một trăm bốn mươi sáu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, mức lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Anh Phan Duy Q phải nộp 1.404.257 đồng (Một triệu bốn trăm lẻ bốn nghìn hai trăm năm mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị Huỳnh Thị Cẩm X số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 673.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0009804 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Huỳnh Thị Cẩm X có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Anh Phan Duy Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tống đạt bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Bùi Thanh Phú